

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 211/2024/DS-ST

Ngày: 10/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
góp hui*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

+ Ông **Nguyễn Quốc Thuận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 06 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Ngọc L** – sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp ALA, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị Hồng N** – sinh năm 2001; (có mặt)

Địa chỉ: ấp TTA, xã TMC, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm: 1967;

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Anh **Nguyễn Thanh S** – sinh năm 1976; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 42/25/16 NTN, phường B, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

- Ông **Đoàn Phương Q** – sinh năm 1967; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Đoàn Phương Th** – sinh năm 1996; (xin vắng mặt)

- Chị **Lê Thị Lan Ch** – sinh năm 1995; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Phạm Ngọc L trình bày: bà có tham gia hội do bà Nguyễn Thị T, ông Đoàn Phương Q làm chủ hội, hội có hoa hồng. Cụ thể những dây hội như sau:

- Dây hội 2.000.000 đồng/ tháng, khai hội ngày 20/02/2023(al) (nhuần), gồm có 24 phần, bà tham gia 02 phần, đóng nuôi hội được 11 tháng, số tiền là 1.500.000 đồng / tháng x 11 tháng x 02 phần = 33.000.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/ tháng, khai hội ngày 15/11/2022 (al), gồm có 24 phần, bà tham gia 01 phần, đóng nuôi hội được 15 tháng, số tiền 700.000 đồng/ tháng x 15 tháng = 10.500.000 đồng.

Tổng số tiền bà đóng hội cho bà T, ông Q là 43.500.000 đồng. Hiện nay cả hai dây hội trên đều đã ngưng hoạt động, bế hội nhưng đến nay phía ông Q, bà T vẫn không trả tiền cho bà. Quá trình tham gia hội, anh Đoàn Phương Th nhận tiền hội và chị Lê Thị Lan Ch lập danh sách cho hội viên và nhận tiền đóng hội của các hội viên. Nay bà yêu cầu ông Q, bà T, anh Th và chị Ch liên đới trả cho bà số tiền 43.500.000 đồng, không tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng tại bản tự khai bà trình bày: bà và ông Đoàn Phương Q kết hôn năm 1988, do ở chung với ba mẹ chồng nên không có đi làm, không có nguồn thu nhập ổn định. Vào năm 2008, bà làm hội góp vốn sẽ có nguồn thu nhập từ chủ hội tiền đầu thảo để có tiền mua sắm tư trang cá nhân. Giữa năm 2008, bà tổ chức tham gia hội và bà là đầu thảo hội, mỗi tháng mở hội từ 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Bà làm chủ hội gom hội, giao hội đều cho các hội viên. Công việc làm hội ổn định đến năm 2021 do dịch bệnh nên hội viên không có khả năng đóng hội nên bà phải vay mượn tiền để đóng cho các hội viên. Đến tháng 02/2024 thì bà không có khả năng đóng hội thay cho các hội viên đã hót. Nay bà còn thiếu bà Phạm Ngọc L số tiền hội là 43.500.000 đồng và xin trả mỗi tháng 400.000 đồng đến khi hết nợ.

* Bị đơn ông Đoàn Phương Q vắng mặt nhưng tại bản tự khai ông trình bày: vào năm 1988, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị T. Ông bà có hai con chung là Đoàn Phương Tiến và Đoàn Phương Th. Ông bà sống chung đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên sống ly thân, việc vô hội góp vốn ông hoàn toàn không có tham gia. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương Th và chị Lê Thị Lan Ch xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc L. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Ngọc L số tiền 43.500.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: bà Phạm Ngọc L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q trả số tiền hui còn nợ nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Đại diện ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T là anh Nguyễn Thanh S, bị đơn ông Đoàn Phương Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương Th, chị Lê Thị Lan Ch xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa: chị Nguyễn Thị Hồng N - Đại diện ủy quyền của bà Phạm Ngọc L trình bày bà L xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q trả số tiền hui 43.500.000 đồng, không yêu cầu anh Đoàn Phương Th và chị Lê Thị Lan Ch cùng liên đới trả tiền. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc L: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy bà L có tham gia hui do bà T làm chủ hui, hui có hoa hồng. Tại bản tự khai, bà T thừa nhận là bà có làm chủ hui và bà L có tham gia hui với bà. Do đó có đủ cơ sở xác định giữa bà L và bà T có xác lập giao dịch hui với nhau theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận và thống nhất số tiền hui còn nợ bà L là 43.500.000 đồng. Quá trình tham gia hui, bà L là hui viên, đóng hui đầy đủ cho bà T. Hiện nay, hai dây hui bà L tham gia đều bị bể hui, phía bà T không hoàn trả lại số tiền đóng hui cho hui viên là vi phạm trách nhiệm của chủ hộ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu bà T trả số tiền hui 43.500.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm liên đới: Ông Đoàn Phương Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L vì việc vô hui góp vốn ông hoàn toàn không có tham gia. Ông và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng nhưng đã ly thân từ năm 2000 đến nay. Tuy nhiên,

theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà T, ông Q cư trú thì bà T làm chủ hội rất lâu, chủ yếu thực hiện việc mở hội và khai hội, ông Q chồng bà T cùng con trai và con dâu là anh Đoàn Phương Th, chị Lê Thị Lan Ch có nhiệm vụ giúp bà T gom hội, nhận tiền hội, giao hội và lập danh sách hội viên. Ngoài việc giúp bà T làm hội thì ông Q cũng có thu nhập thêm từ nguồn trồng dừa. Do đó lời trình bày của ông Q cho rằng ông không liên quan gì đến việc tranh chấp hội giữa các hội viên với bà T là không có cơ sở mà xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên ông Q có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả tiền cho bà L theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về tiền lãi: bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về thời gian trả: Đại diện ủy quyền của bà T tại biên bản hòa giải trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên bà T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Bà L không đồng ý mà yêu cầu bà T, ông Q trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà T, ông Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 471 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

- Áp dụng Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc L.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q có trách nhiệm trả cho bà Phạm Ngọc L số tiền 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn Phương Q phải chịu 2.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.088.000 đồng theo biên lai thu số 0007432 ngày 10/04/2024 của Ch cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Ch cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Nông sở;
- Lưu hoà sô, án văn.

Phan Thị Cẩm Tiên